

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

**Hà Nội - Tháng 06 năm 2021**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019, vốn điều lệ của Công ty là: 13.092.000.000 đồng (*Mười ba tỷ, không trăm chín hai triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Cencon Vietnam Joint stock Company

Tên viết tắt: Cencon., JSC.

Địa chỉ Công ty: Nhà BT số 28 dãy 16B4, Làng Việt Kiều Châu Âu đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM từ ngày 07/06/2018. Mã chứng khoán: CEN.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22/06/2019)
Nguyễn Tiến Thành	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/06/2019)
Lê Văn Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/04/2021)
Mạc Thị Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/04/2021)
Lương Quang Hiệp	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2020)
Nguyễn Hữu Thường	Thành viên
Nguyễn Thị Minh Hội	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/04/2020)

**Ban Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Lê Văn Bình	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31/07/2020)
Nguyễn Tiến Thành	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/07/2020)
Lương Quang Hiệp	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/03/2021)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty đã thực hiện tăng vốn theo hình thức phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đăng ký giao dịch bổ sung 2,5 triệu cổ phiếu với giá trị theo mệnh giá là 25 tỷ đồng (hai mươi lăm tỷ đồng) theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông bất thường số 02/2020/CEN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/08/2020, Công văn chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước số 6057/UBCK-QLCB ngày 09/10/2020 và Thông báo chấp nhận thay đổi đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 1129/TB-SGDHN ngày 23/10/2020.

Ngày 20/05/2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã có nghị quyết số 2005/2021/CEN/NQ-HĐQT về việc lựa chọn, triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 1:2, có bảo lãnh phát hành đã được thông qua tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 2504/2021/CEN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021.

Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư với giá trị 9,5 tỷ đồng tại công ty con là Công ty Cổ phần Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang (nay là Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2) theo Nghị quyết số 14/05/2020/NQ/HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/05/2020.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



**Trần Mạnh Sơn**  
**Chủ tịch HĐQT**

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

Số: 85/2021/BCKT-CPA VIETNAM-TV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 06 năm 2021, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo này thay thế Báo cáo kiểm toán số 374/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 25/03/2020 do thay đổi người đại diện Công ty kiểm toán và kiểm toán viên ký báo cáo theo luật định.



**Hoàng Tiến Lợi**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0234-2018-137-1

*GUQ số: 15/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám Đốc*

*Thay mặt và đại diện*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

*Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021*

A blue handwritten signature of Nguyễn Khánh Minh.

**Nguyễn Khánh Minh**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.941.269.587</b>	<b>24.972.758.282</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>181.328.457</b>	<b>1.363.592.412</b>
1. Tiền	111		181.328.457	1.363.592.412
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.3</b>	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.604.185.443</b>	<b>8.532.135.880</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.575.299.310	4.827.017.110
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		28.886.133	3.630.118.770
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	-	75.000.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>4.898.394.664</b>	<b>14.584.737.789</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.898.394.664	14.584.737.789
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>257.361.023</b>	<b>492.292.201</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	257.361.023	25.292.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	466.999.701
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.608.058.208</b>	<b>25.404.509.472</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	50.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.088.687.577</b>	<b>1.313.461.821</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.088.687.577	1.313.461.821
- Nguyên giá	222		1.348.645.455	1.348.645.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(259.957.878)	(35.183.634)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.7</b>	-	<b>9.994.221.290</b>
- Nguyên giá	231		-	10.092.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(97.778.710)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.8</b>	<b>118.181.818</b>	<b>4.377.275.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		118.181.818	4.377.275.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.3</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.500.000.000	9.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>851.188.813</b>	<b>219.551.361</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	851.188.813	219.551.361
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>41.549.327.795</b>	<b>50.377.267.754</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN		MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.350.113.102</b>	<b>33.935.885.581</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>24.350.113.102</b>	<b>33.935.885.581</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	16.565.538.819	28.554.620.961
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.113.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	357.924.283	196.814.620
4.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	826.650.000	558.450.000
5.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	6.600.000.000	2.513.000.000
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>17.199.214.693</b>	<b>16.441.382.173</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>17.199.214.693</b>	<b>16.441.382.173</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.092.000.000	13.092.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.092.000.000	13.092.000.000
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.107.214.693	3.349.382.173
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.349.382.173	579.090.944
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		757.832.520	2.770.291.229
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>		<b>440</b>		<b>41.549.327.795</b>	<b>50.377.267.754</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Hà

Mạc Thị Hoa

Trần Mạnh Sơn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	60.733.109.281	111.293.899.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	38.947.610	416.128.221
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>60.694.161.671</b>	<b>110.877.771.410</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	55.723.113.913	103.372.831.832
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.971.047.758</b>	<b>7.504.939.578</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	64.776.259	430.995
7. Chi phí tài chính	22	5.19	983.499.420	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		268.200.000	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	678.130.000	987.717.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	2.297.719.529	2.235.992.158
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.076.475.068</b>	<b>4.281.661.415</b>
11. Thu nhập khác	31	5.21	48.625	2.621
12. Chi phí khác	32	5.22	129.361.326	550.000
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(129.312.701)</b>	<b>(547.379)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>947.162.367</b>	<b>4.281.114.036</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	189.329.847	856.222.807
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>757.832.520</b>	<b>3.424.891.229</b>

Người lập

Phạm Thị Hà

Kế toán trưởng

Mạc Thị Hoa

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Trần Mạnh Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		947.162.367	4.281.114.036
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			475.889.877	127.542.639
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		260.443.518	127.973.634
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.753.641)	(430.995)
Chi phí lãi vay	06		268.200.000	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		1.423.052.244	4.408.656.675
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.400.694.664)	(5.521.644.732)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.686.343.125	(9.959.047.117)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.934.476.153)	23.299.809.998
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(863.705.975)	(137.451.294)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(195.826.173)	(835.020.922)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(15.285.307.596)	11.255.302.608
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.725.920.455)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.963.290.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.500.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.753.641	430.995
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		10.016.043.641	(15.225.489.460)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		6.600.000.000	15.513.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.513.000.000)	(13.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(96.150.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		4.087.000.000	2.416.850.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(1.182.263.955)	(1.553.336.852)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		1.363.592.412	2.916.929.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	70	5.1	181.328.457	1.363.592.412

Người lập

Phạm Thị Hà

Kế toán trưởng

Mạc Thị Hoa



Trần Mạnh Sơn

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2019, vốn điều lệ của Công ty là: 13.092.000.000 đồng (Mười ba tỷ, không trăm chín hai triệu đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Cencon Vietnam Joint stock Company

Tên viết tắt: Cencon., JSC.

Địa chỉ Công ty: Nhà BT số 28 dãy 16B4, Làng Việt Kiều Châu Âu đường Nguyễn Văn Lộc, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM từ ngày 07/06/2018. Mã chứng khoán: CEN..

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 15 người (tại ngày 31/12/2018 là 23 người).

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Chi tiết: - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ lâm nghiệp; - Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch,...); - Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp; - Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng; - Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển,...); - Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng. Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
- Xây dựng nhà để ở. Xây dựng nhà không để ở
- Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: - Đại lý
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm. Trồng cây hàng năm khác, Chi tiết: - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ mặt hàng nhà nước cấm)
- Trồng cây lâu năm khác
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Trồng cây ăn quả. Chăn nuôi gia cầm. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Chế biến và bảo quản rau quả. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Sản xuất linh kiện điện tử. Đóng tàu và cầu kiện nổi.
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.
- Đúc sắt, thép. Đúc kim loại màu.
- Thu gom rác thải không độc hại
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người). Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: - Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường). Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. In ấn. Dịch vụ liên quan đến in.
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa. Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột. Sản xuất các loại bánh từ bột. Thu gom rác thải độc hại. Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự. Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
- Bán buôn tổng hợp. Bán buôn đồ uống. Bán buôn thực phẩm. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ nhà nước cấm). Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá. Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
-

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- Quảng cáo. Cho thuê xe có động cơ. Vận tải hành khách đường bộ khác. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Điều hành tua du lịch. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Bán buôn tổng hợp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu vốn
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>				
1	Công ty Cổ phần Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang	Hà Giang, Việt Nam	Trồng cây gia vị, cây dược liệu; bán buôn tổng hợp	95,00 %

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính được lập cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Các khoản cho vay**

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Năm 2018, Công ty thực hiện phân loại tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất sang bất động sản đầu tư cho thuê.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2019</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá và bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất không thời hạn.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước được phân bổ cho thời hạn thuê trả trước; và
- Các chi phí trả trước khác được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty trong năm là trích trước chi phí thường xuyên và chi phí lãi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền
- (c) kiểm soát hàng hóa;
- (d) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (e) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (f) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bán buôn tổng hợp và duy nhất trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	146.822.320	325.227.579
Tiền gửi ngân hàng	34.506.137	1.038.364.833
<b>Tổng</b>	<b>181.328.457</b>	<b>1.363.592.412</b>

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>	<b>24.575.299.310</b>	<b>4.827.017.110</b>
Công ty cổ phần XNK Đức Bảo	-	2.047.982.220
Công ty TNHH Nhật Hải Bình	-	14.758.614
Công ty TNHH thực phẩm Thái Việt	-	2.764.276.276
Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại XNK Daco	8.302.663.647	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại XNK Famy	3.813.521.228	-
Công ty cổ phần đông dược Ninh Bình	2.900.183.496	-
Nguyễn Đức Hà	5.061.007.500	-
Đối tượng khác	4.497.923.439	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.3 Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	9.500.000.000	(*)	-	Giá trị hợp lý (*)
Công ty CP Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang	9.500.000.000		-	-

(\*) Công ty CP Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang là công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.4 Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	75.000.000	-
Phải thu	-	-	75.000.000	-
<i>Dài hạn</i>	50.000.000	-	-	-
Ký cược, ký	50.000.000	-	-	-

**5.5 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	4.898.394.664	-	14.584.737.789	-
<b>Tổng</b>	<b>4.898.394.664</b>	<b>-</b>	<b>14.584.737.789</b>	<b>-</b>

**5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	1.348.645.455	1.348.645.455
Số dư cuối năm	1.348.645.455	1.348.645.455
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	35.183.634	35.183.634
Khấu hao trong năm	224.774.244	224.774.244
Số dư cuối năm	259.957.878	259.957.878
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	1.313.461.821	1.313.461.821
Tại ngày cuối năm	1.088.687.577	1.088.687.577

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	<b>10.092.000.000</b>	-	<b>10.092.000.000</b>	-
Quyền sử dụng đất	9.164.100.000	-	9.164.100.000	-
Nhà	927.900.000	-	927.900.000	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>97.778.710</b>	<b>35.669.274</b>	<b>133.447.984</b>	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	97.778.710	35.669.274	133.447.984	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>9.994.221.290</b>			-
Quyền sử dụng đất	9.164.100.000			-
Nhà	830.121.290			-

**5.8 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Mua sắm tài	-	4.377.275.000
Sửa chữa	118.181.818	-
<b>Tổng</b>	<b>118.181.818</b>	<b>4.377.275.000</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>257.361.023</b>	<b>25.292.500</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.518.850	12.942.500
Chi phí thuê kho	109.300.000	12.350.000
Chi phí khác	79.542.173	-
<i>Dài hạn</i>	<b>851.188.813</b>	<b>219.551.361</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	387.221.268	219.551.361
Chi phí khác	463.967.545	-
<b>Tổng</b>	<b>1.108.549.836</b>	<b>244.843.861</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>16.565.538.819</b>	<b>16.565.538.819</b>	<b>28.554.620.961</b>	<b>28.554.620.961</b>
Công ty cổ phần thương mại và xuất nhập khẩu Hoàng Lan	-	-	2.023.390.348	2.023.390.348
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	3.998.622.995	3.998.622.995	26.360.120.113	26.360.120.113
Công Ty TNHH Asia Minh Đức	-	-	171.110.500	171.110.500
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Sơn Tùng	5.493.991.030	5.493.991.030	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Top One	4.791.032.304	4.791.032.304	-	-
Các đối tượng khác	2.281.892.490	2.281.892.490	-	-
<b>Tổng</b>	<b>16.565.538.819</b>	<b>16.565.538.819</b>	<b>28.554.620.961</b>	<b>28.554.620.961</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>2.513.000.000</b>	<b>2.513.000.000</b>	<b>2.513.000.000</b>
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000	-	-	-
Mạc Thị Hoa	-	-	-	2.513.000.000	2.513.000.000	2.513.000.000

**Thông tin về các khoản vay ngắn hạn**

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân:

- Khoản vay bà Mạc Thị Hoa theo hợp đồng vay cá nhân số HDVCN01/2018/MTH-CEN ngày 10/12/2018 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/2018 ngày 10/12/2018; 02/KUNN/2018 ngày 14/12/2018 với tổng giá trị 2.513.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 06 tháng, lãi suất 0%/năm, không có tài sản đảm bảo.
- Khoản vay ông Trần Mạnh Sơn theo các hợp đồng vay cá nhân số CEN-TMS số 01/2019 ngày 21/06/2019 với giá trị 2,5 tỷ đồng và hợp đồng vay cá nhân số 02/2019/CEN-TMS ngày 07/08/2019 với giá trị 4,1 tỷ đồng đồng nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn 06 tháng, lãi suất 9%/năm, không có tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Năm 2019			
	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	31/12/2019
<b>Phải nộp</b>	<b>196.814.620</b>	<b>551.942.013</b>	<b>390.832.350</b>	<b>357.924.283</b>
Thuế GTGT đầu ra	-	258.185.177	115.150.740	143.034.437
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	165.974.620	219.181.399	195.826.173	189.329.846
Thuế Thu nhập cá nhân	30.840.000	59.220.000	64.500.000	25.560.000
Thuế khác	-	15.355.437	15.355.437	-

**5.13 Phải trả khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>826.650.000</b>	<b>558.450.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	558.450.000	558.450.000
Lãi vay phải trả	268.200.000	-
<b>Tổng</b>	<b>826.650.000</b>	<b>558.450.000</b>

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>13.092.000.000</b>	<b>579.090.944</b>	<b>13.671.090.944</b>
Lãi trong năm trước	-	3.424.891.229	3.424.891.229
Chia cổ tức	-	(654.600.000)	(654.600.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>13.092.000.000</b>	<b>3.349.382.173</b>	<b>16.441.382.173</b>
Lãi trong năm nay	-	757.832.520	757.832.520
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.092.000.000</b>	<b>4.107.214.693</b>	<b>17.199.214.693</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	13.092.000.000	13.092.000.000
<b>Tổng</b>	<b>13.092.000.000</b>	<b>13.092.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2019 -VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	13.092.000.000	13.092.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	13.092.000.000	13.092.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	<b>654.600.000</b>

*Cổ phiếu*

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.309.200</b>	<b>1.309.200</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.309.200</b>	<b>1.309.200</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.309.200	1.309.200
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.309.200</b>	<b>1.309.200</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.309.200	1.309.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.733.109.281	111.293.899.631
<b>Tổng</b>	<b>60.733.109.281</b>	<b>111.293.899.631</b>

**5.16 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chiết khấu thương mại	38.947.610	416.128.221
<b>Tổng</b>	<b>38.947.610</b>	<b>416.128.221</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	55.723.113.913	103.372.831.832
<b>Tổng</b>	<b>55.723.113.913</b>	<b>103.372.831.832</b>

**5.18 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.753.641	430.995
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.022.618	-
<b>Tổng</b>	<b>64.776.259</b>	<b>430.995</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.19 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	268.200.000	-
Chi phí tài chính khác	715.299.420	-
<b>Tổng</b>	<b>983.499.420</b>	<b>-</b>

**5.20 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>2.297.719.529</i>	<i>2.235.992.158</i>
Chi phí nhân viên quản lý	723.109.000	876.852.500
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.970.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	584.853.620	143.379.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.443.518	127.973.634
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.110.000
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	634.705.694	778.141.573
Chi phí khác bằng tiền	90.607.697	303.565.347
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>678.130.000</i>	<i>987.717.000</i>
Chi phí nhân viên	678.130.000	987.717.000
<b>Tổng</b>	<b>2.975.849.529</b>	<b>3.223.709.158</b>

**5.21 Thu nhập khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản khác	48.625	2.621
<b>Tổng</b>	<b>48.625</b>	<b>2.621</b>

**5.22 Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	67.924.743	-
Các khoản khác	61.436.583	550.000
<b>Tổng</b>	<b>129.361.326</b>	<b>550.000</b>

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	189.329.847	856.222.807
<b>Tổng</b>	<b>189.329.847</b>	<b>856.222.807</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.853.620	145.349.104
Chi phí nhân công	1.401.239.000	1.864.569.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.774.244	127.973.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	638.705.694	782.251.573
Chi phí khác bằng tiền	90.607.697	303.565.347
<b>Tổng</b>	<b>2.940.180.255</b>	<b>3.223.709.158</b>

**5.25 Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty đã thực hiện tăng vốn theo hình thức phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đăng ký giao dịch bổ sung 2,5 triệu cổ phiếu với giá trị theo mệnh giá là 25 tỷ đồng (hai mươi lăm tỷ đồng) theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông bất thường số 02/2020/CEN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/08/2020, Công văn chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước số 6057/UBCK-QLCB ngày 09/10/2020 và Thông báo chấp nhận thay đổi đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 1129/TB-SGDHN ngày 23/10/2020.

Ngày 20/05/2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã có nghị quyết số 2005/2021/CEN/NQ-HĐQT về việc lựa chọn, triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 1:2, có bảo lãnh phát hành đã được thông qua tại Nghị Quyết ĐHCĐ số 2504/2021/CEN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021.

Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư với giá trị 9,5 tỷ đồng tại công ty con là Công ty Cổ phần Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang (nay là Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2) theo Nghị quyết số 14/05/2020/NQ/HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 14/05/2020.

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Bên liên quan**

Nguyễn Tiến Thành  
Mạc Thị Hoa  
Lương Quang Hiệp  
Nguyễn Hữu Thường  
Nguyễn Thị Minh Hội  
Trần Ngọc Mai  
Triệu Tiến Duẩn  
Trần Mạnh Sơn  
Công ty CP Dược liệu quý hiếm và  
Thiết bị y tế Hà Giang

**Mối quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Công ty con

**CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan*

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Mua hàng</b>	-	3.500.422.937
Công ty CP Dược liệu quý hiếm và Thiết bị y tế Hà Giang	-	3.500.422.937
<b>Vay</b>	6.600.000.000	15.513.000.000
Nguyễn Tiến Thành	-	13.000.000.000
Mạc Thị Hoa	-	2.513.000.000
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	-
<b>Trả tiền vay</b>	-	-
Nguyễn Tiến Thành	-	13.000.000.000
Mạc Thị Hoa	2.513.000.000	-

*Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban điều hành*

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ban giám đốc - Lương và thu nhập khác	86.400.000	123.460.000
<b>Tổng</b>	<b>86.400.000</b>	<b>123.460.000</b>

*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán*

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Vay và nợ</b>	6.600.000.000	2.513.000.000
Mạc Thị Hoa	-	2.513.000.000
Trần Mạnh Sơn	6.600.000.000	-
<b>Lãi vay phải trả</b>	268.200.000	-
Trần Mạnh Sơn	268.200.000	-

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Phạm Thị Hà

Kế toán trưởng



Mạc Thị Hoa

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Trần Mạnh Sơn